

BẢNG GIÁ THU TIỀN CÔNG & VACCIN TIÊM NGỪA

Áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2025

(Theo thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính)

Số TT	TÊN VACCIN	MŨI TIÊM	VACCIN	PHÍ, LỆ PHÍ	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
1	Vaccin ngừa viêm gan siêu vi B 0.5 ml (Cuba)	1 lọ/mũi	57,750	10,000	67,750	
2	Vaccin ngừa viêm não mô cầu type B&C 0,5ml	1 liều/mũi	192,931	10,000	202,931	
3	Vaccin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, Hib Infanrix Hexa 0,5ml (6 trong 1)	1 liều/mũi	950,400	10,000	960,400	
4	Vaccin kết hợp bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B, bại liệt bất hoạt, Hib Hexaxim 0,5ml (6 trong 1)	1 liều/mũi	951,720	10,000	961,720	
5	Vaccin ngừa các bệnh gây ra do phế cầu khuẩn Synflorix 0,5ml	1 liều/mũi	912,890	10,000	922,890	
6	Prevenar 13 0.5ml (2021, Anh)	1 liều/mũi	1,185,030	10,000	1,195,030	
7	Vaccin ngừa bệnh viêm não Nhật bản B JEEV 1	1 lọ/mũi	278,300	10,000	288,300	
8	Vaccin ngừa bệnh viêm não Nhật bản B JEEV 2	1 lọ/mũi	387,200	10,000	397,200	
9	Menactrac 0.5ml 2021 (USA)	1 lọ/mũi	1,155,000	10,000	1,165,000	
10	Menactrac 0.5ml BOX of 1 Vial	1 lọ/mũi	1,212,200	10,000	1,222,200	
11	Huyết thanh kháng uốn ván SAT	1 Ống/mũi	31,947	27,000	58,947	
12	Vaccin ngừa uốn ván VAT	1 Ống/mũi	16,262	10,000	26,262	
13	Vaccin ngừa thủy đậu Varivax 0,5ml	1 lọ/mũi	785,440	14,000	799,440	
14	Vaccin ngừa thủy đậu Varivax & Diluent	1 lọ/mũi	959,415	14,000	973,415	
15	M-M-R II 0.5ml	1 lọ/mũi	238,982	14,000	252,982	
16	Measles, Mumps and Rubella	1 lọ/mũi	167,221	14,000	181,221	
17	Vaccin ngừa cúm A Influvac Tetra 0.5ml (Hà Lan)	1 lọ/mũi	290,400	10,000	300,400	
18	Vaccin ngừa cúm A GCFLu 0.5ml(Cúm A HQ)	1 lọ/mũi	263,918	100,000	363,918	
19	Huyết thanh kháng dại IVACRIC	1 lọ/mũi	426,311	27,000	453,311	TL≤25Kg
20	Huyết thanh kháng dại IVACRIC	2 lọ/mũi	852,622	27,000	879,622	26Kg<TL≤50Kg
21	Huyết thanh kháng dại IVACRIC	3 lọ/mũi	1,278,933	27,000	1,305,933	50Kg<TL≤75Kg
22	Huyết thanh kháng dại IVACRIC	4 lọ/mũi	1,705,244	27,000	1,732,244	75Kg<TL≤100Kg
23	Vaccin ngừa bệnh dại Indirab 0,5ml	1 lọ/mũi	180,781	10,000	190,781	
24	Vaccin ngừa bệnh dại Abhayrab 0,5ml	1 lọ/mũi	202,125	10,000	212,125	
25	Vaccin ngừa tiêu chảy do Rotavirus	1 liều/mũi			-	
26	Vaccin ngừa Ung thư cổ tử cung (Gardasil 4 tupe 0,5ml)	1 lọ/mũi	1,660,560	10,000	1,670,560	
27	Vaccin ngừa Ung thư cổ tử cung (Gardasil 9 tupe 0,5ml)	1 lọ/mũi	2,829,750	10,000	2,839,750	
28	Vaccin ngừa tiêu chảy do Rotavin	1 lọ/mũi	373,758	7,000	380,758	

Lập biểu

Trương Thị Liên

Kế toán trưởng

Lê Thanh Chiến

Tân Phú, ngày 18 tháng 07 năm 2025

TỈNH ĐỒNG NAI
GIÁM ĐỐC



Phạm Trương Khánh Giang